

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGS-ST
Ngày 20 - 12- 2021
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH P**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao V

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Huy Tr

2. Bà Kim Linh Ch

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh H - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 370/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021 giữa các đương S:

Nguyên đơn: Anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1974

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đại Thành, xã Nghĩa Thịnh, huyện H, tỉnh N. Chỗ ở hiện nay: Tại tổ 4A, khu 5, phường V Cơ, thành phố V, tỉnh P. (Anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1982

Nơi ĐKKHKT: Tại tổ 4A, khu 5, phường V Cơ, thành phố V, tỉnh P. (Chị L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 12/10/2021, nguyên đơn anh Vũ Văn Đ trình bày: Anh và chị Trần Thị L đăng ký kết hôn ngày 25/02/2000 tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thịnh, huyện H, tỉnh N. Sau khi kết hôn vợ chồng ở riêng tại phường V Cơ, thành phố V, tỉnh P. Cuộc sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do đặc thù công việc của anh làm nghề thợ sửa chữa ô tô không có thời gian quan tâm, chăm sóc đến vợ nên chị L bỏ anh về nhà mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị M ở phường V Cơ, thành phố V để ở. Cũng từ đó anh và chị L ly thân không còn hạnh phúc. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L để ổn định cuộc sống riêng cho mỗi người.

- Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là Vũ Thị Thanh L, sinh ngày

02/11/2000 và Vũ Minh S, sinh ngày 12/11/2002. Hiện này các con đã trưởng thành, tự lập cuộc sống nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công sức trong thời gian sống chung: Anh và chị L không có gì nên không đề nghị xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh và chị L không nợ chung ai kể cả ngân hàng cũng như các tổ chức tín dụng nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh có đơn từ chối công khai chứng cứ và từ chối hòa giải và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

- *Bị đơn chị Trần Thị L đã được Tòa án triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do.*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng cho chị Trần Thị L tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P; nhà văn hóa khu 5, phường V Cơ và trụ sở Ủy ban nhân dân phường V Cơ, thành phố V, tỉnh P theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 10/11/2021, Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của chị L và được chính quyền địa phương cho biết: Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị L là vợ chồng đều sinh sống và cư trú ở tổ 4A, khu 5, phường V Cơ, thành phố V, tỉnh P. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, chị L đã về nhà mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị M cùng khu để ở. Qua nắm bắt thông tin thì chị L đi làm ăn xa nhưng không thông báo với chính quyền địa phương cũng như không làm thủ tục tạm trú, tạm vắng hay tách khẩu nên địa phương không biết hiện nay chị L đi làm ăn ở đâu. Nay anh Đ xin ly hôn chị L, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Về con chung: Theo khai báo nhân khẩu thì vợ chồng anh Đ, chị L có 02 con chung là Vũ Thị Thanh L, sinh năm 2000 và Vũ Minh S, sinh năm 2002, các cháu đều có hộ khẩu ở khu 5, phường V Cơ, thành phố V, tỉnh P. Đến nay đều đã khôn lớn đi học, đi làm không phụ thuộc gia đình.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/10/2021 và ngày 29/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P đối với bà Nguyễn Thị M (là mẹ đẻ chị Trần Thị L) bà M cho biết: Con gái bà là Trần Thị L và anh Vũ Văn Đ có đăng ký kết hôn ở xã Nghĩa Thịnh, huyện H, tỉnh N. Quá trình chung sống lúc đầu hai vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn, sau đó chị L về nhà bà ở được khoảng 01 năm thì đi làm ăn nhưng không nói cho bà biết là làm ở đâu mà chỉ thấy gọi điện về lúc thì bảo ở Hà Nội, lúc thì ở Sài Gòn. Bà còn cho biết chị L cũng biết việc anh Đ gửi đơn xin ly hôn ra Tòa án và có nói với bà là nhất trí ly hôn nên cứ để Tòa án giải quyết vì vợ chồng không còn tình cảm từ lâu rồi. Chị L và anh Đ có 02 con chung là Vũ Thị Thanh L, sinh năm 2000 và Vũ Minh S, sinh năm 2002, hiện nay các cháu đã khôn lớn và tự đi làm không sống phụ thuộc ai. Tòa án có yêu cầu bà liên lạc với chị L và yêu cầu chị L cung cấp địa chỉ nơi ở và nơi làm việc hoặc gửi quan điểm về cho Tòa án nhưng bà từ chối việc cung cấp địa chỉ của chị L vì chị L không nói cho bà biết nên bà không thể cung cấp cho Tòa án được. Quan điểm của bà là thực tế chị L và anh Đ không ở với nhau từ năm 2014 nên vợ chồng cũng không còn tình cảm, vì vậy bà cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn để ai có cuộc sống người đó tự ổn định. Với tư cách là mẹ đẻ, bà cũng nhất trí nhận thay chị L các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng còn việc thông báo cho chị L thì bà

không chủ động được, chỉ trường hợp chị L gọi điện về thì bà bảo còn không thì bà cũng chịu.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ có đơn đề nghị từ chối công khai chứng cứ và từ chối hòa giải nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân S.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân S; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn Đ. Xử cho anh Vũ Văn Đ được ly hôn chị Trần Thị L.

- Về con chung: Các con chung đã khôn lớn, trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết được xác định: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” giữa nguyên đơn anh Vũ Văn Đ và bị đơn chị Trần Thị L. Chị L có hộ khẩu thường trú tại: tổ 4A, khu 5, phường V Cơ, thành phố V, tỉnh P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân S, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P là đúng quy định pháp luật.

- Đối với nguyên đơn anh Vũ Văn Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân S, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

- Đối với bị đơn chị Trần Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân S, Tòa án xét xử vắng mặt chị L.

[2]. Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Văn Đ và chị Trần Thị L là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, theo như anh Đ trình bày thì thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do đặc thù công việc của anh làm nghề thợ sửa chữa ô tô không có thời gian quan tâm, chăm sóc đến vợ nên chị L bỏ anh về nhà mẹ đẻ ở, cũng từ đó vợ chồng

sống ly thân không còn quan tâm, chia sẻ cuộc sống gia đình với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, tuy không lấy được lời khai của chị L nhưng qua việc xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị L trú và xác minh qua mẹ đẻ chị L là bà Nguyễn Thị M được xác nhận: Vợ chồng anh Đ, chị L có mâu thuẫn, chị L đi làm ăn xa không còn quan tâm đến chồng con, vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Từ những căn cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị L rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Đ đối với chị L là có căn cứ, được chấp nhận cho ly hôn.

- Về con chung: Xác định vợ chồng anh Đ, chị L có hai con chung là Vũ Thị Thanh L, sinh ngày 02/11/2000 và Vũ Minh S, sinh ngày 12/11/2002. Hiện nay các con đã trưởng thành, tự lập cuộc sống nên không đề nghị Tòa án giải quyết là phù hợp.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Mặc dù anh Đ trình bày không có nhưng do chị L vắng mặt không có lời khai nên không xác định được khối tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp trong thời kỳ hôn nhân của anh Đ, chị L, nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này, trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết theo trình tự khác nếu có yêu cầu.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Vũ Văn Đ phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương S đều có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

$V \times c, c \text{ lĩ tr}^n;$

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân S; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Văn Đ được ly hôn chị Trần Thị L.

2. Về con chung: Xác định vợ chồng anh Đ, chị L có hai con chung là Vũ Thị Thanh L, sinh ngày 02/11/2000 và Vũ Minh S, sinh ngày 12/11/2002. Hiện nay các con chung đã khôn lớn, trưởng thành, lao động tự túc được nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Vũ Văn Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Đ đã nộp 300.000đ (Ba trăm

nghìn đồng) (do chị Nguyễn Thị Tuyết nộp thay) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0009625 ngày 05/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân S thành phố V, tỉnh P.

5. Anh Đ, chị L vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh P trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân S thì người được thi hành án dân S, người phải thi hành án dân S có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân S; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân S.

Nơi nhận:

- VKSND TP. V, T P;
- Dương S;
- Chi cục THADS TP. V, T. P;
- UBND xã Nghĩa Thịnh, H. H, T. N;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Cao V

